

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THULEE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THULEE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THULEE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110517721

3. Ngày thành lập: 23/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 289, Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978335858

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới xe có động cơ khác.	4513
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh; - Kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng. (Theo Điều 13,14 Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/07/2016 quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế)	4632
9.	Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4649
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;	4662
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
14.	Chăn nuôi khác	0149

15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299
16.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản	6820
17.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) hàng hóa theo quy định pháp luật	4690
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4711
19.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
20.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
22.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
23.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
24.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
26.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
27.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
28.	Sản xuất giày, dép	1520
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Doanh nghiệp không được lập xưởng gia công sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan).	2592
30.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ hoạt động của đấu giá viên)	4774
31.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

32.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ	4789
33.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
34.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Theo điều 9, điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 01 năm 2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933
36.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh trực vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước. Dịch vụ buộc và cởi dây cho tàu; Lắp đặt các bến phao neo đậu tàu, biển báo hiệu trên đường thủy nội địa và hàng hải; Nạo vét, duy tu luồng hàng hải, vùng nước cảng biển và các công trình khác	5222
39.	Bốc xếp hàng hóa	5224
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuê hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển	5229
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
43.	Tái chế phế liệu	3830
44.	Xây dựng nhà để ở	4101
45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
47.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
48.	Xây dựng công trình điện	4221
49.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

50.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
51.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Vải; - Len, sợi; - Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu; - Hàng dệt khác; - Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...	4751
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772(Chính)

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ THU	Số 289, Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	408.000	4.080.000.000	51,000	0381780098 58	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	408.000	4.080.000.000	51,000		
2	LÊ THANH HÀ	Số 289, Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	45,000	0013030125 05	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	45,000		

3	LÊ THỊ HƯƠNG	Số 10 Ngõ 28 Nguyễn Siêu, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	32.000	320.000.000	4,000	038185052461
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	32.000	320.000.000	4,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THANH HÀ
Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/10/2003
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001303012505

Ngày cấp: 04/11/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 289, Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 289, Ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội